

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 19/2017/DS-ST

Ngày: 04-7-2017

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Khánh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016, Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX-ST ngày 29/5/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2016, biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đinh Thị C trình bày:

Trước đây bà C có vay bà T số tiền 60.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận tiền lãi 15%/tháng, thời hạn trả nợ là 02 tháng sau sẽ trả gốc tiền và tiền lãi, khi vay chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng. Việc vay mượn chỉ có bà T và bà C tham gia với nhau, trong đó bà T là người trực tiếp đưa tiền cho bà C, không có ai khác chứng kiến và cùng tham gia.

Đến hạn không thấy bà C thanh toán nên bà T yêu cầu bà C viết giấy nợ vào ngày 15/12/2015. Với nội dung trong giấy bà Nguyễn Thị T có cho bà Đinh Thị C mượn số tiền 60.000.000 đồng đến tháng 03 năm 2016 bà C có trách nhiệm trả cho bà T, nếu bà C cố tình không trả thì bà T có quyền khởi kiện ra Tòa án. Nhưng một lần nữa, đến hạn trả nợ bà C vẫn không trả mặc dù đã được bà T nhắc đòi nợ nhiều lần. Để giải quyết vụ việc bà C phải làm đơn khởi kiện ra Tòa án Chơn Thành với yêu cầu buộc bà C có trách nhiệm trả số tiền 60.000.000 đồng nợ gốc cho bà T. Về tiền lãi bà T không yêu cầu bà C phải trả tiền lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng về lãi suất, do trước đây tính nhầm nên trình bày lãi suất là 15%/tháng, nay tính lại thì lãi là 1,5%/tháng. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị C trình bày:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đinh Thị C nhưng bà C không ghi nộ ý kiến phản hồi đối với các thông báo của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên ngày 28/02/2017, tại nhà bà C khi được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập số 20/GTT-TA, ngày 27/02/2017 thì bà C thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 25/12/2015 nhưng do bận công việc nên bà C không thể lên tòa để giải quyết vụ án. Ý kiến thừa nhận của bà C có sự xác nhận của ban ấp và chính quyền địa phương xã Minh Lập. Ngoài ý kiến trên bà C không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay bà C vắng mặt không có lý do.

Ý kiến pháp biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tuân thủ các nội dung thông báo có trong các văn bản tố tụng của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ hai nhưng phía bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà C phải trả cho bà T 60.000.000 đồng trong giấy nhận nợ;

Về tiền lãi: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị hoàn trả tạm ứng án phí cho bà T, buộc bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Nhận định về tố tụng:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì trước đây bà T có cho bà C vay số tiền 60.000.000 đồng nhưng đến hạn bà C không trả nên vào ngày 15/12/2015 bà T và bà C thỏa thuận viết giấy mượn tiền và hẹn tháng 3/2016 sẽ trả nợ cho nhau. Sau khi vay bà C không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ nên bà T yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án xác định đây là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Do tranh chấp về hợp đồng nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự và khi giải quyết thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân cấp huyện; Do bị đơn có nơi cư trú là tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhận định vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” giữa bà Nguyễn Thị T và bà Đinh Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì việc vay mượn tiền vào ngày 15/12/2015 và có thời hạn trả nợ vào tháng 03/2016. Nhưng bà C không thanh toán đúng hạn nên đến ngày 20/10/2016 bà T có đơn khởi kiện chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Căn cứ vào 184 BLTTDS, Điều 427 của Bộ luật dân sự 2005 thì việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Đinh Thị C là trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. *Về người tham gia tố tụng:* Do bà T có đơn khởi kiện, bà C là người bị bà T kiện tranh chấp. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định bà T là nguyên đơn, bà C là bị đơn.

[5]. Về tuân thủ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn là bà C mặc dù đã được Tòa tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo các thủ tục một cách hợp lệ nhưng bà C đã

không tuân thủ các nội dung đã được thông báo, cô T vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà C tiếp tục vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần hai), sự vắng mặt của bà C không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiếp tục xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

*** Nhận định của Tòa án về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà C phải trả 60.000.000 đồng nợ gốc Tòa án có nhận định như sau:

[6]. Bà T cho rằng mình cho bà C vay số tiền 60.000.000 đồng đến tháng 3/2016 bà C có trách nhiệm trả cho bà T nhưng đến nay bà C vẫn chưa trả nợ cho bà T. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là giấy mượn tiền ngày 12/5/2015 có ghi người vay tiền là bên B (bà Đinh Thị C). Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự Đinh Thị C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả kiểm tra giao nộp chứng cứ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho bà C nhưng bà C không đến tham gia giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến phản hồi. Tuy nhiên vào ngày 28/02/2017, tại nhà bà C khi Tòa án tổng đạt giấy triệu tập số 20/GTT-TA, ngày 27/02/2017 bà C có phản hồi về kết quả tổng đạt cho Tòa án với nội dung "*Tôi có mượn bà Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 25/12/2015 là đúng sự thật nhưng do bận công việc nên tôi không thể lên Tòa để giải quyết được*". Kết quả tổng đạt, ý kiến phản hồi của bà C có người làm chứng và được chính quyền địa phương xác nhận. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự; Chứng cứ chứng minh do nguyên đơn giao nộp và đã được Tòa án tiến hành kiểm tra xem xét công khai tại phiên tòa cùng các kết quả tranh tụng khác. Tòa án có đủ cơ sở để kết luận giữa bà T và bà C có tồn tại quan hệ vay tài sản trong đó bà T là người cho vay, bà C là người đi vay, số tiền vay là 60.000.000 đồng.

[7]. Mặc dù bà T cho rằng các bên thực hiện cho nhau vay mượn trước ngày 15/12/2015 nhưng thời điểm vay mượn này không có chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó chứng cứ giấy mượn tiền giữa hai bên có ghi: Hôm nay ngày 15/12/2015 và nay bên A (Nguyễn Thị T) cho bên B (Đinh Thị C) mượn số tiền 60.000.000 đồng. Nên Tòa án có đủ cơ sở để xác định ngày 15/12/2015 là ngày các bên bắt đầu thực hiện hợp đồng (ngày vay tài sản).

[8]. Trong giấy mượn tiền không có ghi ngày trả nợ mà chỉ ghi đến tháng 3/2016. Tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật dân sự 2005 có quy định "*Trong trường hợp thời hạn được tính bằng tháng thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày tương ứng của tháng cuối cùng của thời hạn;...*". Như vậy, Tòa án xác định ngày cuối cùng của thời hạn trả nợ giữa hai bên được là ngày 31/3/2016. Quá ngày này nếu bà C không trả nợ thì bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[9]. Tại phiên tòa hôm nay bà T tiếp tục yêu cầu bà C trả nợ gốc 60.000.000 đồng. Bà C vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến hay chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà T. Buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà T 60.000.000 đồng nợ gốc.

[10]. *Về tiền lãi*: Bà T cho rằng các bên thỏa thuận vay có lãi với lãi suất là 1,5%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà T không yêu cầu bà C phải trả tiền lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi trong hợp đồng. Bị đơn C không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố về tiền lãi. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[11]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do các yêu cầu của bà T là có cơ sở, được Tòa án chấp thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Cần tuyên hoàn trả cho bà T 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0008411 ngày 16/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.*

- *Áp dụng Điều 153, Điều 427, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;*

- *Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Đinh Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả lại cho bà T 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Theo biên lai thu tiền số 0008411, quyển số 000169 ngày 16/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bà Đinh Thị C phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành đối với số tiền phải trả chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì ngoài số tiền phải thi hành còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền phải

trả tương ứng với thời gian chậm thì hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trương Quốc Khánh**